CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34/2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện đảo thuộc thành phố Đà Nẵng.

3. Ủy ban nhân dân phường thuộc quận tại thành phố Đà Nẵng.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định về quản lý công chức

1. Công chức của Ủy ban nhân dân phường thuộc biên chế công chức của Ủy ban nhân dân quận thuộc thành phố Đà Nẵng và do Ủy ban nhân dân quận thuộc thành phố Đà Nẵng quản lý, sử dụng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đảo (sau đây gọi là Chủ tịch quận), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đảo (sau đây gọi là Phó Chủ tịch quận), giao quyền Chủ tịch quận theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch quận thuộc thành phố Đà Nẵng quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Chủ tịch phường), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Phó Chủ tịch phường), người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, giao quyền Chủ tịch phường theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật về thẩm quyền và phân cấp, ủy quyền.

5. Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường.

Điều 4. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH QUẬN

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

a) Chủ tịch quận;

b) Phó Chủ tịch quận;

c) Trưởng Công an quận;

d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận;

đ) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

e) Các cơ quan hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP để quy định cụ thể tên gọi và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận cho phù hợp. Riêng Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận được gọi là Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

3. Việc thành lập các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và theo quy định pháp luật chuyên ngành.

4. Việc thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân quận

1. Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chủ tịch quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

3. Phó Chủ tịch quận giúp Chủ tịch quận giải quyết các công việc theo phân công của Chủ tịch quận, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản điều hành, giải quyết công việc và ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

Trường hợp khuyết Chủ tịch quận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định giao quyền Chủ tịch quận cho một Phó Chủ tịch quận cho đến khi có quyết định bổ nhiệm Chủ tịch quận.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận quy định tại các khoản 2, 3, 5 và 9 Điều 5 Nghị quyết số 119/2020/QH14 phải được thảo luận tập thể trước khi Chủ tịch quận quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Công chức của quận làm việc theo quy chế làm việc, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch quận, Phó Chủ tịch quận, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự quận và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch quận có thể mời thêm các thành phần khác có liên quan.

5. Hoạt động của Ủy ban nhân dân quận nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại quận và theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân quận phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

7. Khi cần thiết, Chủ tịch quận ủy quyền cho Phó Chủ tịch quận, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch phường để giải quyết một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 8. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy chế làm việc, do Chủ tịch quận triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chủ tịch quận mời Bí thư quận ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của quận, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của quận, đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ứng cử trên địa bàn quận tham dự cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 9. Tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch quận với Nhân dân

1. Hằng năm, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch quận có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân ở quận về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân quận và phường, những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng của công dân trên địa bàn quận.

Căn cứ vào quy mô dân số, Chủ tịch quận có thể tổ chức đối thoại với Nhân dân theo phường hoặc tổ dân phố. Ủy ban nhân dân quận phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và Ủy ban nhân dân phường để Ủy ban nhân dân phường thông báo đến các cộng đồng dân cư và tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

2. Kết quả hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch quận với Nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ở quận trước 07 ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ tịch quận và Phó Chủ tịch quận

1. Chủ tịch quận có trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Cán bộ, công chức, các quy định khác của pháp luật có liên quan, chấp hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận và các trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận.

b) Chịu trách nhiệm quản lý công chức, viên chức của quận, phường theo quy định tại Nghị định này và theo phân cấp, ủy quyền.

c) Ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận với chức danh Chủ tịch và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

2. Phó Chủ tịch quận có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch quận phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm về các chỉ đạo, quyết định của mình.

3. Chủ tịch quận hoặc Phó Chủ tịch quận vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này thì bị xem xét xử lý theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, quy định của pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 11. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân quận với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Chủ tịch quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Khi gặp những vấn đề vượt thẩm quyền, Chủ tịch quận phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận chấp hành việc kiểm tra của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 12. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân quận với Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận

Thực hiện theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận với Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Ủy ban nhân dân quận chịu sự lãnh đạo của Quận ủy và báo cáo Quận ủy việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao.

2. Ủy ban nhân dân quận phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 13. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định.

2. Soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận do Chủ tịch quận phân công và trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận soạn thảo. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định;

b) Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định. Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 07 ngày, kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo quyết định.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận trước khi trình. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp, cơ quan soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp để thẩm định;

b) Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm: Tờ trình và dự thảo quyết định; bản tổng hợp ý kiến về dự thảo quyết định; tài liệu khác (nếu có);

c) Nội dung và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Chậm nhất là 05 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp, Phòng Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo.

4. Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch quận

a) Cơ quan soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân quận chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp để chuyển đến Chủ tịch quận, Phó Chủ tịch quận và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân quận bao gồm: Tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp.

5. Trình tự xem xét, ban hành dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận được lấy ý kiến thảo luận tập thể tại cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận do Chủ tịch quận tổ chức;

b) Chủ tịch quận ký ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành.

Điều 14. Xử lý kiến nghị của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch quận

Căn cứ kết quả lấy phiếu tín nhiệm và kiến nghị của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Chủ tịch quận, sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định điều động, bố trí công tác khác.

Chương III
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH PHƯỜNG

Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm:

a) Chủ tịch phường;

b) Phó Chủ tịch phường;

c) Trưởng Công an phường;

d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường;

đ) Các công chức: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội.

2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường (trừ điểm c khoản 1 Điều này).

Điều 16. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch phường

1. Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chủ tịch phường là người đứng đầu, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc

của Ủy ban nhân dân phường làm việc theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch phường thảo luận tập thể về các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 119/2020/NQ14 trước khi quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, Trưởng Công an phường, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường và các công chức khác có liên quan.

3. Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền phải có kinh nghiệm từ 03 năm công tác trở lên ở lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch.

4. Phó Chủ tịch phường giúp Chủ tịch phường giải quyết các công việc theo phân công của Chủ tịch phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Khi Chủ tịch phường vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

5. Trường hợp khuyết Chủ tịch phường thì Chủ tịch quận có Quyết định giao quyền Chủ tịch phường cho một Phó Chủ tịch phường cho đến khi có Chủ tịch phường mới.

6. Hoạt động của Ủy ban nhân dân phường nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại phường theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

Điều 17. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy chế làm việc, do Chủ tịch phường triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan, Chủ tịch phường mời Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của phường, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của phường, Bí thư chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận tham gia cuộc họp thường kỳ và các cuộc họp khác của Ủy ban nhân dân phường.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 18. Tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch phường với Nhân dân

1. Hằng năm, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch phường có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân ở phường về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân phường, những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng của công dân ở địa phương. Trường hợp do quy mô dân số, có thể tổ chức đối thoại với Nhân dân qua các đại diện tổ dân phố. Ủy ban nhân dân phường phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo đến Tổ trưởng tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

2. Kết quả hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch phường với Nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ở quận, Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch quận.

Điều 19. Trách nhiệm của Chủ tịch phường

1. Chủ tịch phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch quận về mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường.

2. Trực tiếp sử dụng và quản lý công chức của phường theo quy định tại Nghị định này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch quận.

3. Chủ tịch phường chịu trách nhiệm quản lý toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường.

4. Ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường với chức danh Chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

5. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch phường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường trong phạm vi lĩnh vực được Chủ tịch phường phân công.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường, trước pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong phạm vi lĩnh vực được phân công.

3. Ký thay Chủ tịch phường các văn bản của Ủy ban nhân dân phường khi được Chủ tịch phường phân công.

4. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của các công chức khác của Ủy ban nhân dân phường

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và Phó Chủ tịch phường phụ trách trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn được Chủ tịch phường phân công theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết công việc được giao theo đúng quy định về thời gian, kết quả và thẩm quyền; tận tụy phục vụ Nhân dân, không gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân. Nếu vấn đề giải quyết vượt quá thẩm quyền, phải báo cáo Chủ tịch phường hoặc Phó Chủ tịch phường phụ trách xem xét, quyết định.

3. Tuân thủ quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, chấp hành nghiêm túc sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch phường; giải quyết công việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc.

4. Không chuyển công việc thuộc trách nhiệm của mình cho công chức khác khi không có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền; không tự ý giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của công chức khác. Trường hợp nội dung công việc có liên quan đến công chức khác mà có ý kiến khác nhau thì phải báo cáo Chủ tịch phường xem xét, quyết định.

5. Công chức Tư pháp - Hộ tịch chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và pháp luật về việc thực hiện nội dung được ủy quyền tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này, không được ủy quyền tiếp cho cá nhân khác thực hiện nội dung đã được ủy quyền.

6. Chịu trách nhiệm lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác chuyên môn; thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, chính xác tình hình lĩnh vực công việc được giao theo quy định với Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường phụ trách.

7. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường và Chủ tịch phường với Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch quận

1. Chủ tịch phường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch quận. Khi gặp những vấn đề vượt quá thẩm quyền, Chủ tịch phường phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch quận; thực hiện chế độ báo cáo với Chủ tịch quận theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, giữ mối liên hệ chặt chẽ và tuân thủ sự hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn phường.

Điều 23. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch phường với Đảng ủy phường

Ủy ban nhân dân và Chủ tịch phường chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy phường trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch phường phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường trong thực hiện các nhiệm vụ công tác, chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của Nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả; định kỳ hàng tháng hoặc khi thấy cần thiết thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường để các tổ chức này biết và phối hợp, vận động, tổ chức, Nhân dân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 25. Quan hệ công tác của Chủ tịch phường với tổ dân phố

1. Chủ tịch phường phải thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Ủy ban nhân dân phường đến các tổ dân phố để triển khai thực hiện; kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt các quy định về thực hiện dân chủ ở phường, hoạt động tự quản của tổ dân phố.

2. Chủ tịch phường phân công các công chức của phường phụ trách, chỉ đạo, nắm tình hình tại các tổ dân phố. Hàng tháng, các công chức của phường được phân công làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố thuộc địa bàn phụ trách hoặc trực tiếp tham dự các cuộc họp của tổ dân phố để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 26. Biên chế công chức phường

1. Biên chế công chức bình quân làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là 15 người. Số bình quân này được tính trên tổng số phường của một quận.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở từng quận.

3. Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều này và yêu cầu nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể số lượng công chức của từng vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

Điều 27. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận xây dựng kế hoạch tuyển dụng, gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện (trường hợp được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phân cấp hoặc ủy quyền).

4. Chủ tịch phường trực tiếp sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo các nội dung sau:

a) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ;

b) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, nâng lương, đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

d) Thực hiện việc thống kê và báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình đội ngũ công chức theo quy định;

đ) Thực hiện các nội dung khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận.

Điều 28. Trình tự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận, phường

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường và các chức danh lãnh đạo, quản lý khác của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Điều 29. Thời hạn bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý của quận, phường

1. Thời hạn bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường cho mỗi lần bổ nhiệm là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

2. Chủ tịch quận, phường không giữ chức vụ quá 10 năm liên tục ở cùng một đơn vị hành chính quận, phường.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tiến hành quy trình xem xét, bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp Quốc hội có Nghị quyết chấm dứt việc thực hiện thí điểm, thì việc sử dụng, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường và các công chức khác ở nơi thực hiện thí điểm thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 30. Khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI, ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC

Điều 31. Nhiệm vụ về quốc phòng

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quốc phòng tại quận, phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quốc phòng ở quận, phường;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn khi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch quận, phường căn cứ vào tình hình nhiệm vụ cụ thể của địa phương tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp phương án tác chiến để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 1 Điều này

Điều 32. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại quận, phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật;

c) Giao Ủy ban nhân dân quận, phường chỉ đạo Công an quận, phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận, phường; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên địa bàn quận, phường;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn quận, phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường.

2. Chủ tịch quận, phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao.

Điều 33. Nhiệm vụ phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện nhiệm vụ về phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật tại địa phương theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Chương VI
LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN, PHƯỜNG

Điều 34. Lập dự toán ngân sách quận, phường

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương (đối với ngân sách cấp thành phố và ngân sách huyện, xã, thị trấn); hướng dẫn cụ thể yêu cầu, nội dung, tài liệu xây dựng, lập, điều chỉnh dự toán ngân sách quận, phường đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân quận là đơn vị dự toán cấp I được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao dự toán thu, chi ngân sách, bao gồm dự toán thu, chi ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc và dự toán thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân phường. Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định tại Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân phường lập dự toán thu, chi ngân sách được giao gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xem xét, tổng hợp cùng với dự toán ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận. Ủy ban nhân dân quận lập dự toán thu, chi ngân sách, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên chi tiết từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc quận và từng phường,

gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định dự toán ngân sách; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao dự toán ngân sách năm sau cho Ủy ban nhân dân quận. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân quận phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách năm sau cho Ủy ban nhân dân phường.

Điều 35. Chấp hành ngân sách quận, phường

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc quận và từng phường, gửi Sở Tài chính, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đúng đối tượng, theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao.

3. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.

4. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách quận, phường trong quá trình chấp hành ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 36. Quyết toán ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc nhà

nước và các ban, ngành liên quan xét duyệt quyết toán các cơ quan, đơn vị trực thuộc và tổng hợp quyết toán ngân sách quận.

Ủy ban nhân dân phường lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách phường hằng năm báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận để xét duyệt và tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách quận để báo cáo Ủy ban nhân dân quận gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng phê chuẩn.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách đến các cơ quan, bảo đảm thời gian và mẫu biểu theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường, công chức cấp xã ở phường được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức làm việc tại phường đang công tác; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì công chức phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp vị trí việc làm đó.

Phòng Nội vụ rà soát hồ sơ công chức cấp xã đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường để báo cáo Chủ tịch quận. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Chủ tịch quận ban hành quyết định chuyển công chức cấp xã đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thành công chức thuộc biên chế Ủy ban nhân dân quận.

Việc bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường do Chủ tịch quận có văn bản đề nghị Sở Nội vụ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được tính vào thời gian giữ chức vụ Chủ tịch quận, phường quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức phường đáp ứng tiêu chuẩn công chức và yêu cầu công việc.

Điều 39. Bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường và các công chức chuyên môn ở phường

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận, phường;

b) Các trường hợp đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nhưng không được bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường khi thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 và Nghị định này.

2. Cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này và công chức cấp xã đang làm việc ở phường khi không được chuyển thành công chức thì thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp Ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8

năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và các quy định khác có liên quan.

3. Ngoài những chế độ, chính sách quy định khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức ở phường thuộc diện giải quyết chế độ, chính sách quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

Điều 40. Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách quận, phường năm 2021

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách quận, phường

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giữa các cấp ngân sách ở địa phương (đối với ngân sách cấp thành phố và ngân sách huyện, xã, thị trấn) và ngân sách quận, phường từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 phù hợp với mô hình chính quyền đô thị mới của thành phố.

2. Tổ chức điều hành dự toán ngân sách đơn vị dự toán quận, phường

a) Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban nhân dân quận tổng hợp kết quả thu, chi từ tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021, gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách quận, phường năm 2021 và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng tại kỳ họp gần nhất;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng Ủy ban nhân dân quận, chậm nhất ngày 31 tháng 7 năm 2021. Ủy ban nhân dân quận được tạm cấp ngân sách để chi cho các nhiệm vụ theo Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa được Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán ngân sách.

3. Công tác quyết toán ngân sách quận, phường từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021

a) Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác kế toán, gồm: Khóa sổ kế toán đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021; kiểm kê tài sản; xác định nợ chưa thanh toán; lập báo cáo tài chính; lập biên bản bàn giao; giao, nhận bàn giao tài liệu, dữ liệu kế toán; chuyển kết dư ngân sách phường, nguồn cải cách tiền lương về ngân sách quận quản lý theo đúng quy định về hợp nhất, sáp nhập tại Điều 45, Điều 46 của Luật Kế toán.

b) Chuyển kết dư ngân sách quận, phường; nguồn cải cách tiền lương ngân sách quận, phường về ngân sách thành phố quản lý theo đúng quy định về hợp nhất, sáp nhập tại Điều 45, Điều 46 của Luật Kế toán;

c) Ủy ban nhân dân phường lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách phường 06 tháng đầu năm 2021, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xét duyệt, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận. Ủy ban nhân dân quận lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách quận 06 tháng đầu năm 2021, bao gồm cả ngân sách phường, gửi Sở Tài chính xét duyệt, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng quy định tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 và Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội sơ kết việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân quận, phường;

b) Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển cán bộ, công chức cấp xã làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thành công chức thuộc biên chế của Ủy ban nhân dân quận theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này;

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện các quy định về công tác tài chính, ngân sách khi thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị;

d) Báo cáo Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét, quyết định về những vấn đề phát sinh khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phố Đà Nẵng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc